

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2022
V/v “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Hữu Trí;
- Bà Trần Thị Quế Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Tố Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: Khóm 2, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0385.044.657

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 6, ấp TP, xã BT, huyện CT, An Giang.

Số điện thoại: 0984.233.550

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 2009, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa BT, huyện CT, An Giang. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cự cãi và không quan tâm lẫn nhau nên không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ năm 2013 đến nay. Đến năm 2016 anh M có nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện TT, vợ chồng thỏa thuận tình ly hôn, nhưng sau đó không biết lý do gì, anh M rút đơn khởi kiện nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, việc anh M tự rút đơn chị hoàn toàn không biết, đến năm 2022 chị mới biết vụ việc. Do vậy nên chị không ly hôn với anh M được. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về quan hệ con chung, cấp dưỡng: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc và điều kiện đi tới lui rất khó khăn nên chị L xin được vắng mặt, không đến tham dự các phiên xét xử tại Tòa án.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh M đều vắng mặt không lý do. Tại Biên bản xác minh ngày 12/7/2022 (BL 31) thể hiện anh Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại ấp TP, xã BT, huyện CT, tỉnh An Giang; Do đi làm ăn xa nên anh Nguyễn Văn M thường xuyên không có mặt tại địa phương, Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh M do anh không có mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án đến và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Kim L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh M: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M; về con chung; về tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim L và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện CT nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh M. Anh M có hộ khẩu thường trú ở ấp TP, xã BT, huyện CT, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

- Về sự có mặt của đương sự: Chị Trần Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin vắng mặt của chị L hợp lệ nên được chấp nhận. Đối với anh Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi cưới, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 03 năm, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên năm 2016 anh M có khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết cho anh được ly hôn với chị L, nhưng sau đó Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do anh M rút đơn khởi kiện. Trong khoảng thời gian sau đó anh chị vẫn không sống hạnh phúc, tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh M.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, quá trình chung sống anh M và chị L đã nhiều lần rạn nứt tình cảm, không thể hàn gắn, đến nay tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh M theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh M vắng mặt tại nhà. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh M không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn cũng như ý kiến về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn đã trình bày. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh M vẫn không có văn bản thể hiện nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị L và anh M đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim L là được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Quá trình chung sống chị Trần Thị Kim L xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do chị Trần Thị Kim L có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn **số 15, ngày 27/02/2009 do Ủy ban nhân dân xã BT (huyện CT, An Giang)** cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0005034 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, An Giang, được khấu trừ nên chị L đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.CT;
- Chi cục THADS.CT;
- UBND xã BT;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

